



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số

2600393941

ngày 30 tháng 5 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2600393941 ngày 30 tháng 5 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Châu
Ông Võ Sỹ Dũng
Bà Nguyễn Thu Hương
Ông Bùi Văn Thiềng
Ông Lê Hoài Thanh

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Tiến Thọ
Bà Nguyễn Thị Hương Giang
Bà Nguyễn Hồ Bảo Ngọc

Bà Đoàn Thị Xuân Duyên

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 30 tháng 3 năm 2019)
Thành viên
(đến ngày 30 tháng 3 năm 2019)

Ban Giám đốc

Ông Bùi Văn Thiềng
Ông Vũ Danh Tuyên

Giám đốc
Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu công nghiệp Trung Hà
Xã Hồng Đà, huyện Tam Nông
Tỉnh Phú Thọ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Bùi Văn Thiêng
Giám đốc

Tỉnh Phú Thọ, ngày 5 tháng 3 năm 2020



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 1 năm 2019.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 19-01-00266-20-2



Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2020

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		166.130.985.934	89.568.476.011
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	56.780.688.071	2.396.341.421
Tiền	111		3.280.688.071	2.396.341.421
Các khoản tương đương tiền	112		53.500.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.364.063.754	39.198.883.203
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	24.851.400.970	34.839.407.250
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.323.758.675	4.359.475.953
Phải thu ngắn hạn khác	136		188.904.109	-
Hàng tồn kho	140	7	60.901.072.344	47.524.562.355
Tài sản ngắn hạn khác	150		21.085.161.765	448.689.032
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		520.867.711	448.689.032
Thuế phải thu Nhà nước	153	11(b)	20.564.294.054	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260)	200		228.327.836.657	247.327.764.695
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	490.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		-	490.000.000
Tài sản cố định	220	8	219.394.533.815	236.243.805.531
Tài sản cố định hữu hình	221		219.394.533.815	236.243.805.531
Nguyên giá	222		509.995.048.427	486.708.025.314
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(290.600.514.612)	(250.464.219.783)
Tài sản dài hạn khác	260		8.933.302.842	10.593.959.164
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	8.933.302.842	10.518.209.164
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	75.750.000
TỔNG TÀI SẢN 270 = 100 + 200)	270		394.458.822.591	336.896.240.706

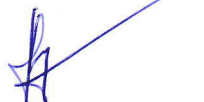
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		154.600.660.349	106.795.212.092
Nợ ngắn hạn	310		137.941.072.259	94.934.442.250
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	12.381.445.874	13.933.834.519
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		186.521.382	197.885.656
Thuế phải nộp Nhà nước	313	11(a)	2.788.133.829	12.176.132.759
Phải trả người lao động	314		2.292.249.000	1.831.986.350
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.985.812.702	2.231.158.546
Phải trả ngắn hạn khác	319	12	9.697.978.000	9.456.574.000
Vay ngắn hạn	320	13(a)	103.544.000.000	53.209.664.948
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	14	3.064.931.472	1.897.205.472
Nợ dài hạn	330		16.659.588.090	11.860.769.842
Vay dài hạn	338	13(b)	16.659.588.090	11.860.769.842
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		239.858.162.242	230.101.028.614
Vốn chủ sở hữu	410	15	239.858.162.242	230.101.028.614
Vốn cổ phần	411	16	125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	18	23.517.055.477	23.517.055.477
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		91.341.106.765	81.583.973.137
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		51.387.973.137	56.983.483.481
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		39.953.133.628	24.600.489.656
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		394.458.822.591	336.896.240.706

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Trần Bích Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng	01	19	593.391.210.490	561.428.356.080
Giá vốn hàng bán	11	20	503.801.016.781	496.619.513.780
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		89.590.193.709	64.808.842.300
Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.193.486.534	228.070.408
Chi phí tài chính	22		2.832.916.937	2.930.109.490
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.832.916.937	2.930.109.490
Chi phí bán hàng	25		5.052.692.194	5.823.044.260
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	16.613.088.105	13.487.402.146
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		66.284.983.007	42.796.356.812
Thu nhập khác	31		42.534.650	133.811.184
Chi phí khác	32		-	132.075.523
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		42.534.650	1.735.661
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		66.327.517.657	42.798.092.473
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	5.048.634.029	3.273.352.817
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	23	75.750.000	(75.750.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		61.203.133.628	39.600.489.656
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	4.281	2.630

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Trần Bích Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	66.327.517.657	42.798.092.473
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	40.136.294.829	37.255.807.737
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.193.486.534)	(151.402.002)
Chi phí lãi vay	06	2.832.916.937	2.930.109.490
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	108.103.242.889	82.832.607.698
Biến động các khoản phải thu	09	(9.310.280.806)	(8.015.534.799)
Biến động hàng tồn kho	10	(13.376.509.989)	(3.901.962.214)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(9.031.892.631)	(58.601.131.259)
Biến động chi phí trả trước	12	1.512.727.643	(860.169.226)
		77.897.287.106	11.453.810.200
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.757.057.389)	(2.964.950.944)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.197.243.284)	(3.645.390.666)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.528.274.000)	(6.311.446.245)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	64.414.712.433	(1.467.977.655)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(22.181.659.508)	(13.843.337.653)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.004.582.425	220.286.446
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.177.077.083)	(13.623.051.207)

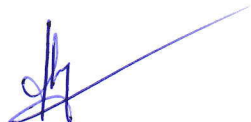
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	418.012.174.515	472.399.671.122
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(362.879.021.215)	(474.730.947.965)
Tiền chi trả cổ tức	36	(43.986.442.000)	(50.010.426.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	11.146.711.300	(52.341.703.093)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	54.384.346.650	(67.432.731.955)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	2.396.341.421	69.829.073.376
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70 5	56.780.688.071	2.396.341.421

Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Trần Bích Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng
Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát và các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia, rượu và nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 120 nhân viên (1/1/2019: 120 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyên khoản và tỷ giá bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không năm hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 48 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 12 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm

(f) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(g) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(l) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(n) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(o) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong năm, không diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 1 tháng 1 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	557.370.056	527.853.225
Tiền gửi ngân hàng	2.723.318.015	1.868.488.196
Các khoản tương đương tiền	53.500.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	56.780.688.071	2.396.341.421

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5% một năm (1/1/2019: Không).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn – bên liên quan	24.851.400.970	34.832.174.850
Các khách hàng khác	-	7.232.400
	<u>24.851.400.970</u>	<u>34.839.407.250</u>

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

7. Hàng tồn kho

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND (Đã phân loại lại)	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	22.768.990.019	-	21.578.385.264	-
Công cụ và dụng cụ	13.643.810.655	-	15.208.154.005	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.122.566.185	-	9.174.583.716	-
Thành phẩm	11.365.705.485	-	1.563.439.370	-
	<u>60.901.072.344</u>	<u>-</u>	<u>47.524.562.355</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

B. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	123.230.168.051	353.540.033.734	7.946.335.259	1.991.488.270	486.708.025.314
Tăng trong năm	126.070.000	22.935.953.113	-	225.000.000	23.287.023.113
Số dư cuối năm	123.356.238.051	376.475.986.847	7.946.335.259	2.216.488.270	509.995.048.427
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	28.794.072.332	215.603.025.889	5.142.019.584	925.101.978	250.464.219.783
Khấu hao trong năm	4.960.912.037	34.199.152.920	720.467.088	255.762.784	40.136.294.829
Số dư cuối năm	33.754.984.369	249.802.178.809	5.862.486.672	1.180.864.762	290.600.514.612
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	94.436.095.719	137.937.007.845	2.804.315.675	1.066.386.292	236.243.805.531
Số dư cuối năm	89.601.253.682	126.673.808.038	2.083.848.587	1.035.623.508	219.394.533.815

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản cố nguyên giá 2.444 triệu VND (1/1/2019: 2.275 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 218.154 triệu VND (1/1/2019: 188.646 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.377.430.733	6.140.778.431	10.518.209.164
Tăng trong năm	2.604.449.891	6.532.857.855	9.137.307.746
Phân bổ trong năm	(3.111.994.916)	(7.610.219.152)	(10.722.214.068)
Số dư cuối năm	3.869.885.708	5.063.417.134	8.933.302.842

10. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	8.273.322.123	7.817.994.932
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh	-	2.064.480.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đại Nam	1.389.582.193	-
Các nhà cung cấp khác	2.718.541.558	4.051.359.587
	12.381.445.874	13.933.834.519

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có Khả năng trả nợ	
	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn	8.273.322.123	7.817.994.932
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	-	20.119.000

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Thuế phải nộp Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.998.124.147	108.653.354.514	(111.402.630.619)	-	1.248.848.042
Thuế tiêu thụ đặc biệt	7.377.583.489	492.647.531.729	(520.589.409.272)	20.564.294.054	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	654.236.450	5.048.634.029	(4.197.243.284)	-	1.505.627.195
Thuế thu nhập cá nhân	146.188.673	1.991.487.899	(2.104.017.980)	-	33.658.592
	12.176.132.759	608.341.008.171	(638.293.301.155)	20.564.294.054	2.788.133.829

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2019 VND	Chuyển từ thuế phải nộp VND	31/12/2019 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	20.564.294.054	20.564.294.054

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.074.100.000	6.594.200.000
Cổ tức phải trả	2.592.681.000	2.829.123.000
Phải trả ngắn hạn khác	31.197.000	33.251.000
	<hr/>	<hr/>
	9.697.978.000	9.456.574.000

13. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ/số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2019 Giá trị ghi sổ/số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	46.000.000.000	403.711.021.215	(354.211.021.215)	95.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.209.664.948	9.502.335.052	(8.668.000.000)	8.044.000.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	53.209.664.948	413.213.356.267	(362.879.021.215)	103.544.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh (*)	VND	5,1% - 6,2%	95.500.000.000	46.000.000.000

(*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 100.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình như được trình bày ở thuyết minh 13(b).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Vay dài hạn	24.703.588.090	19.070.434.790
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8.044.000.000)	(7.209.664.948)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	16.659.588.090	11.860.769.842
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh (*)	VND	7,7% - 8,1%	2022 - 2023	24.703.588.090	19.070.434.790
				<hr/>	<hr/>

(*) Các khoản vay dài hạn có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND.

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 218.154 triệu VND (1/1/2019: 188.646 triệu VND) (Thuyết minh 8).

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	1.897.205.472	1.476.979.230
Trích lập trong năm (Thuyết minh 15)	2.500.000.000	2.500.000.000
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm trước (Thuyết minh 15)	5.196.000.000	4.231.672.487
Sử dụng trong năm	(6.528.274.000)	(6.311.446.245)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.064.931.472	1.897.205.472
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	125.000.000.000	23.517.055.477	98.715.155.968	247.232.211.445
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	39.600.489.656	39.600.489.656
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 14)	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm trước (Thuyết minh 14)	-	-	(4.231.672.487)	(4.231.672.487)
Cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	125.000.000.000	23.517.055.477	81.583.973.137	230.101.028.614
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	61.203.133.628	61.203.133.628
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 14)	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm trước (Thuyết minh 14)	-	-	(5.196.000.000)	(5.196.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	(43.750.000.000)	(43.750.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	125.000.000.000	23.517.055.477	91.341.106.765	239.858.162.242

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	125.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	125.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

17. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 30 tháng 3 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 37.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (2018: phân phối cổ tức của năm 2017 là 37.500 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu).

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 9 năm 2019, Đại Hội Đồng cổ đông của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức cho các cổ đông là 18.750 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2018: tạm ứng 12.500 triệu VND cổ tức của năm 2018, tương đương 1.000 VND/cổ phiếu).

18. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội Đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2019	2018
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	588.048.479.161	556.789.111.080
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>1.080.696.010.890</i>	<i>1.018.853.686.260</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>(492.647.531.729)</i>	<i>(462.064.575.180)</i>
▪ Doanh thu khác	5.342.731.329	4.639.245.000
	<hr/>	<hr/>
	593.391.210.490	561.428.356.080
	<hr/>	<hr/>

20. Giá vốn hàng bán

	2019	2018
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	502.391.564.246	496.112.795.276
▪ Giá vốn khác	1.409.452.535	506.718.504
	<hr/>	<hr/>
	503.801.016.781	496.619.513.780
	<hr/>	<hr/>

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	9.071.363.163	6.791.570.340
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.318.981.555	1.334.559.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.436.920.009	4.757.586.169
Chi phí quản lý khác	785.823.378	603.685.850
	<hr/>	<hr/>
	16.613.088.105	13.487.402.146
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	437.733.502.847	426.243.525.763
Chi phí nhân công và nhân viên	26.020.358.465	20.914.403.348
Chi phí khấu hao và phân bổ	40.136.294.829	37.255.807.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.395.060.974	24.897.254.377
Chi phí khác	7.149.932.762	6.447.985.132

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	5.048.634.029	3.273.352.817
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	75.750.000	(75.750.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.124.384.029	3.197.602.817

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	66.327.517.657	42.798.092.473
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	9.949.127.649	6.419.713.871
Chi phí không được khấu trừ thuế	148.140.409	126.991.763
Ưu đãi thuế	(5.048.634.029)	(3.349.102.817)
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	75.750.000	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.124.384.029	3.197.602.817

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm tính từ năm đầu tiên đi vào hoạt động (2011). Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2011 đến 2013) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ 2014 đến 2020).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2019	2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	61.203.133.628	39.600.489.656
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(7.696.000.000)	(6.731.672.487)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	53.507.133.628	32.868.817.169
	<hr/>	<hr/>

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 12.500.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2019 VND	2018 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.010.778.351.359	961.848.772.950
Mua nguyên vật liệu	370.842.387.200	360.371.075.691
Cổ tức	11.825.625.000	13.515.000.000
Công ty TNHH Thương mại Chiêu Xuân		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	13.590.958.000	22.554.555.840
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân		
Cổ tức	2.985.675.000	3.412.200.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua hàng hóa	361.150.000	188.840.000
Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên		
Mua hàng hóa	841.812.000	716.870.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	98.286.545	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	766.305.176	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và thù lao	3.657.608.508	2.899.771.981

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Số liệu so sánh

Ngoài một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với quy định về trình bày báo cáo tài chính của năm hiện tại, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Hàng tồn kho

	1/1/2019 VND (phân loại lại)	1/1/2019 VND (theo báo cáo trước đây)
Nguyên vật liệu	21.578.385.264	29.860.539.932
Công cụ dụng cụ	15.208.154.005	6.925.999.337


Ngày 5 tháng 3 năm 2020

Người lập:



Trần Bích Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bùi Văn Thiêng
Giám đốc

